TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/DS-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2022
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quân, ông Lê Đăng Huấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng H Việt Nam.

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà No4, đường H, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn Q; Chức vụ: Cán bộ tín dụng

Nơi làm việc: Ngân hàng H Việt Nam, Chi nhánh Đắk Lắk, Phòng giao dịch số 5.

Địa chỉ: Số nhà 163, đường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

Theo Văn bản ủy quyền số 270/QĐ - CNĐL ngày 18 tháng 11 năm 2021 (Có mặt).

Bị đơn: Bà Chu Thị T, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Đức N, sinh năm 1974 (Có mặt);
2. Bà Trần Thị Thùy L, sinh năm 2001 (Vắng mặt);
3. Ông Trần Đức Phi L, sinh năm 2006 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Đức Phi L: Trần Đức N, sinh năm 1974; Bà Chu Thị T, sinh năm 1981 (Đều có mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

4. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E

Địa chỉ: Thôn 14, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế M; Chức vụ: Phó giám đốc Nông trường Đ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Theo văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 11 năm 2021 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hà Văn Q trình bày:

Căn cứ Hợp đồng liên kết số ES01/HĐLK ngày 03 tháng 01 năm 2015, ký kết giữa Ngân hàng H Việt Nam, chi nhánh Đắk Lắk và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E.

Ngày 02 tháng 11 năm 2017, Ngân hàng H Việt Nam, Chi nhánh Đắk Lắk, Phòng giao dịch số 4 (Ngân hàng) cho hộ bà Chu Thị T vay số tiền 70.000.000đ *(Bảy mươi triệu đồng chẵn)* Lãi suất: 12%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả: 10,0%/năm. Thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích: Chăm sóc cà phê. Hình thức vay: Không có bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, hộ bà Chu Thị T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 5.000.000đ, lãi suất 16.800.459. Tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2022, hộ bà Chu Thị T còn nợ Ngân hàng số tiền 94.988.034đ (Gốc: 65.000.000đ, lãi suất 29.988.034đ).

Mặc dù đã quá hạn trả nợ nhưng hộ bà Chu Thị T không thanh toán, do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc hộ bà T (ông Trần Đức N và bà Chu Thị T) trả số tiền tạm tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2022 là 94.988.034đ và yêu cầu trả lãi suất phát sinh theo hợp đồng, kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2022 cho đến khi trả xong nợ.

Ngân hàng đồng ý cho ông Trần Đức N và bà Chu Thị T trả thành 03 đợt:

Đợt 1: Ngày 31 tháng 12 năm 2022, trả 27.000.000đ tiền gốc;

Đợt 2: Ngày 31 tháng 12 năm 2023, trả 30.000.000đ tiền gốc;

Đợt 3: Ngày 31 tháng 12 năm 2024, trả 8.000.000đ tiền gốc + 29.988.034đ tiền lãi và lãi phát sinh tính từ ngày 31 tháng 5 năm 2022 cho đến khi trả xong nợ.

Tại phiên tòa, ông Trần Đức N và bà Chu Thị T trình bày:

Ngày 02 tháng 11 năm 2017, Ngân hàng H Việt Nam, Chi nhánh Đắk Lắk, Phòng giao dịch số 4 (Ngân hàng) cho ông bà vay số tiền 70.000.000đ *(Bảy mươi triệu đồng chẵn)* Lãi suất: 12%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả: 10,0%/năm. Thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích: Chăm sóc cà phê. Hình thức vay: Không có bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông bà đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 5.000.000đ, lãi suất 16.800.459. Tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2022, ông bà còn nợ Ngân hàng số tiền 94.988.034đ (Gốc: 65.000.000đ, lãi suất 29.988.034đ).

Do làm ăn thua lỗ, giá nông sản xuống thấp, nên ông bà chưa thanh toán cho Ngân hàng được, do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông bà trả số tiền tạm tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2022 là 94.988.034đ và yêu cầu trả lãi suất phát sinh theo hợp đồng, kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2022 cho đến khi trả xong nợ thì ông bà đồng ý trả. Ông bà không có ý kiến gì. Tuy nhiên hiện nay, ông bà và gia đình rất khó khăn, vì vậy ông bà xin Ngân hàng cho ông bà trả thành nhiều đợt, cụ thể trả thành 03 đợt:

Đợt 1: Ngày 31 tháng 12 năm 2022, trả 27.000.000đ tiền gốc;

Đợt 2: Ngày 31 tháng 12 năm 2023, trả 30.000.000đ tiền gốc;

Đợt 3: Ngày 31 tháng 12 năm 2024, trả 8.000.000đ tiền gốc + 29.988.034đ tiền lãi và lãi phát sinh tính từ ngày 31 tháng 5 năm 2022 cho đến khi ông bà trả xong nợ.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E là ông Nguyễn Thế M trình bày:

Ngày 03 tháng 01 năm 2015, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E (Công ty TNHH.MTV cà phê E/Công ty) có ký hợp đồng liên kết với Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, Chi nhánh Đắk Lắk. Theo đó Công ty bảo lãnh cho nông trường viên (Hộ bà Chu Thị T) vay vốn. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã kết hợp với Ngân hàng đôn đốc hộ bà Chu Thị T để trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên hộ bà Chu Thị T không chịu thanh toán, đồng thời cũng không nộp sản lượng giao khoán cho Công ty. Do đó Công ty cũng không có khoản nào để trả cho Ngân hàng, vì vậy Công ty đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Hợp đồng liên kết số ES 01/HĐLK ngày 03 tháng 01 năm 2015 có nội dung:

Ngân hàng H Việt Nam đồng ý cho hộ nông trường của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E vay vốn không có bảo đảm; Mức cho vay tối đa là 80.000.000đ.

Tại Hợp đồng tín dụng, thể loại cho vay ngắn hạn ngày 02 tháng 11 năm 2017 có nội dung:

Ngân hàng H Việt Nam cho bà Chu Thị T vay 70.000.000đ *(Bảy mươi triệu đồng)*. Lãi suất: 12%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả: 10,0%/năm. Thời hạn vay: 12 tháng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến đã khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; đại diện của nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt nhưng có mặt tại phiên. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 94.988.034đ và lãi suất phát sinh kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2022 cho đến khi bị đơn trả xong nợ. Về án phí, chi phí tố tụng đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn làm đơn khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35, 39 và khoản 3 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được. Tòa án đã triệu tập hợp lệ, nhưng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Thùy L và ông Trần Đức Phi L vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại Hợp đồng tín dụng, thể loại cho vay ngắn hạn ngày 02 tháng 11 năm 2017 có nội dung: Ngân hàng H Việt Nam cho bà Chu Thị T vay 70.000.000đ *(Bảy mươi triệu đồng)*. Lãi

suất: 12%/năm; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả: 10,0%/năm. Thời hạn vay: 12 tháng.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng, ông Trần Đức N và bà Chu Thị T đều thừa nhận ngày 02 tháng 11 năm 2017, Ngân hàng cho ông Trần Đức N, bà Chu Thị T vay 70.000.000đ với lãi suất và thời hạn vay như trong hợp đồng. Ông Trần Đức N, bà Chu Thị T đã trả cho Ngân hàng được 5.000.000đ tiền gốc và 16.800.459 tiền lãi. Đồng thời xác định tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2022, ông Trần Đức N, bà Chu Thị T còn nợ Ngân hàng H Việt Nam số tiền 94.988.034đ (Gốc: 65.000.000đ, lãi suất 29.988.034đ) và đã quá hạn trả nợ. Ông Trần Đức N, bà Chu Thị T đồng ý trả số tiền 94.988.034đ cho Ngân hàng và xin trả thành 03 đợt: Đợt 1: Ngày 31 tháng 12 năm 2022, trả 27.000.000đ tiền gốc; Đợt 2: Ngày 31 tháng 12 năm 2023, trả 30.000.000đ tiền gốc; Đợt 3: Ngày 31 tháng 12 năm 2024, trả 8.000.000đ tiền gốc + 29.988.034đ tiền lãi và lãi phát sinh tính từ ngày 31 tháng 5 năm 2022 cho đến khi trả xong nợ. Đại diện Ngân hàng đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện. Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đại diện Viện kiểm sát và ghi nhận sự tự nguyện trên của đương sự.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Mặc dù yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận, nhưng ông Trần Đức N và bà Chu Thị T thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn, giảm nên được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147; 212; 213; 227; 235; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 385; 398; 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H Việt Nam, buộc ông Trần Đức N và bà Chu Thị T phải trả cho Ngân hàng H Việt Nam số tiền 94.988.034đ (Gốc: 65.000.000đ, lãi suất tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2022 là 29.988.034đ).

Tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, thể loại cho vay ngắn hạn ngày 02 tháng 11 năm 2017, kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2022 cho đến khi ông Trần Đức N, bà Chu Thị T trả xong nợ.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về thời hạn trả nợ như sau:

Chia làm 03 đợt:

Đợt 1: Hết ngày 31 tháng 12 năm 2022, ông Trần Đức N, bà Chu Thị T phải trả cho Ngân hàng H Việt Nam 27.000.000đ tiền gốc;

Đợt 2: Hết ngày 31 tháng 12 năm 2023, ông Trần Đức N, bà Chu Thị T phải trả cho Ngân hàng H Việt Nam 30.000.000đ tiền gốc;

Đợt 3: Hết ngày 31 tháng 12 năm 2024, ông Trần Đức N, bà Chu Thị T phải trả cho Ngân hàng H Việt Nam 8.000.000đ tiền gốc + 29.988.034đ tiền lãi và lãi phát sinh tính từ ngày 31 tháng 5 năm 2022 cho đến khi ông Trần Đức N, bà Chu Thị T trả xong nợ.

2. Về án phí:

+ Ông Trần Đức N, bà Chu Thị T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

+ Trả lại cho Ngân hàng H Việt Nam số tiền 2.180.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/ 0003082 ngày 11 tháng 11 năm 2021.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện K;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG